

Số: /BC-SXD

Hà Nam, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả cải cách hành chính quý III năm 2021

I. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

1. Về kế hoạch cải cách hành chính:

Thực hiện Kế hoạch số 3821/KH-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Sở Xây dựng đã ban hành Kế hoạch số 2906/KH-SXD ngày 28/12/2020 xác định rõ các nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính năm 2021 của Sở. Theo đó, Kế hoạch đã xác định rõ các mục tiêu cần đạt được và những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện để đạt được kết quả như mục tiêu đề ra. Hiện nay, tiến độ thực hiện đồng bộ trên cả 07 mục tiêu theo kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

- Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, bao gồm: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hành năm và từng thời kỳ; ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; trực tiếp phân công nhiệm vụ thực hiện cải cách hành chính theo từng phòng, ban, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Tổ chức giao ban định kỳ về cải cách hành chính kết hợp với các cuộc họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác của đơn vị.

- Từng nhiệm vụ CCHC được giao trực tiếp cho từng phòng ban, từng cá nhân theo chương trình công tác tháng của Sở, mức độ hoàn thành cải cách hành chính được gắn với công tác thi đua khen thưởng, bình xét cá nhân, tập thể.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính:

- Trên cơ sở Kế hoạch CCHC, Chương trình công tác năm 2021 của Sở Xây dựng, tập thể lãnh đạo Sở đã chủ động chỉ đạo quyết liệt các tổ chức phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch, chương trình đã ban hành; thường xuyên kiểm tra, rà soát và chủ động tham

muu phương án xử lý công việc, đề xuất những TTHC không cần thiết thuộc lĩnh vực quản lý của Sở.

- Giám đốc Sở thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra công tác CCHC tại các tổ chức phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc đối với công tác xây dựng văn bản QPPL, cải cách thủ tục hành chính, công tác tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, tiếp nhận và trả kết quả; tài chính công... Qua kiểm tra, nhìn chung công tác CCHC trong Quý II tại các đơn vị được thực hiện tương đối tốt.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính:

- Thực hiện Kế hoạch số 172/KH-SXD ngày 20/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2020. Sở Xây dựng ban hành Kế hoạch 169/KH-SXD ngày 27/01/2021 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nội dung công tác CCHC theo Kế hoạch năm 2021 đã ban hành. Qua đó, tạo chuyển biến tích cực về tiến độ, chất lượng giải quyết TTHC của các phòng, ban và cá nhân được phân công.

- Cập nhật kịp thời các TTHC ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng trên Cổng thông tin điện tử và Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Chuyên mục hỏi đáp trên cổng thông tin điện tử của Sở đã phát huy có hiệu quả, thường xuyên nhận được những câu hỏi của các tổ chức, cá nhân yêu cầu giải đáp, trả lời những thắc mắc liên quan đến TTHC của Sở. Ngoài ra, tại trụ sở làm việc bố trí thùng thư góp ý để tiếp nhận ý kiến đóng góp trực tiếp của người dân.

- Công khai các TTHC tại Trung tâm hành chính công tỉnh, trên trang website của Sở.

II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính.

1. Cải cách thể chế:

Ngay từ đầu năm, Sở Xây dựng đều đăng ký kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật với Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở đó, Sở đã chủ động, nghiêm túc thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; quá trình xây dựng văn bản luôn tuân thủ quy định về trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, như: về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản; bảo đảm tính minh bạch, tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm tính dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật. Qua đó, khẳng định công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã góp phần quan

trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực thi nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực của ngành xây dựng.

- Căn cứ các văn bản QPPL của Nhà nước, Bộ Xây dựng và tình hình thực tế của địa phương; Sở đã chủ động tham mưu, soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản QPPL liên quan, đồng thời cũng tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Năm 2021, Sở Xây dựng đã chủ động đăng ký xây dựng các văn bản QPPL, hiện nay đang xây dựng dự thảo như:

+ Đã trình UBND tỉnh Quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quy định vừa lựa chọn nhà đầu tư và quản lý dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh; Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo; Điều chỉnh QĐ số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 ban hành quy định quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh; Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hà Nam phần khảo sát, thí nghiệm, sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng; Quyết định ban hành Danh mục cây xanh trồng, hạn chế trồng và cấm trồng trên đường phố trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành.

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật là một việc làm cần thiết và quan trọng, qua quá trình kiểm tra sẽ phát hiện được những văn bản có nội dung trái với quy định pháp luật, cần phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ, bãi bỏ và đình chỉ việc thi hành; đồng thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác định trách nhiệm của đơn vị đã tham mưu hoặc trực tiếp ban hành văn bản trái quy định của pháp luật. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

Hàng năm, Sở Xây dựng đã xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính.

- Thực hiện Kế hoạch số 3902/KH-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021. Trên cơ sở đó, Sở Xây dựng đã ban hành Kế hoạch 170/KH-SXD ngày 27/01/2021 về Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021.

- Thực hiện kế hoạch số 3903/KH-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021; Sở Xây dựng đã ban hành Kế hoạch số 41/KH-SXD ngày 11/01/2021 về kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.

- Sở Xây dựng thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo Chương trình công tác hàng tháng, phân công nhiệm vụ cho từng phòng, ban chuyên môn phụ trách.

- Tiếp tục rà soát, đơn giá hóa các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hoạt động xây dựng, quy hoạch xây dựng, lĩnh vực nhà ở, lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam (*6 thủ tục hành chính ban hành mới*).

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 812/QĐ-UBND 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam (*2 thủ tục hành chính ban hành mới, 01 thủ tục hành chính sửa đổi*).

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Xây dựng Hà Nam (*34 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 08 thủ tục hành chính cấp huyện*).

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai Bộ thủ tục hành chính theo quy định, niêm yết công khai tại Trung tâm hành chính công tỉnh và trên cổng thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức có nhu cầu giải quyết đến tìm hiểu thông tin. Các thủ tục hành chính được giải quyết đảm bảo về chất lượng, đúng và sớm hơn so với thời gian quy định. Công chức được phân công tiếp nhận và thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện trình tự, hồ sơ thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng, chính xác.

- Về quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý vướng mắc, phản ánh kiến nghị của các tổ chức, cá nhân: Các phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc gián tiếp của các tổ chức, cá nhân liên quan đến tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được tiếp nhận và trực tiếp trình lãnh đạo Sở phân công giải quyết thỏa đáng và kịp thời. Từ đầu năm đến nay Sở không nhận được các phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân liên quan đến thủ tục hành chính và hành vi hành chính.

- Các thủ tục hành chính được nhập vào phần mềm Một cửa điện tử và ghi vào sổ theo dõi hồ sơ, phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả với tổ chức và cá nhân.

- Các thủ tục hành chính đã giải quyết được lưu trữ đầy đủ, đúng quy định tại bộ phận giải quyết thủ tục hành chính.

- Hiện tại Sở đã áp dụng cơ chế một cửa một cửa liên thông thủ tục hành chính. Nhìn chung, cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã mang lại hiệu quả thiết thực, giúp giảm công sức, thời gian đi lại nên được sự đồng tình, ủng hộ của, tổ chức, cá nhân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025.

- Đã xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định 107/2002/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP đảm bảo tinh gọn, phù hợp với thực tiễn cơ quan, đơn vị.

- Đã điều động 04 đồng Phòng Quản lý xây dựng: 02 đồng chỉ sang Phòng Quy hoạch Kiến trúc và 02 đồng chỉ Chi cục Giám định xây dựng.

- Về tình hình sử dụng và quản lý biên chế: tổng số biên chế được giao năm 2021 là 43 biên chế công chức. Sở bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với trình độ, năng lực, nâng cao hiệu quả công tác.

- Thực hiện các quy định phân cấp của ngành xây dựng tham mưu phân cấp quản lý đối với các huyện, thành phố, các sở, ngành theo quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các nhiệm vụ được phân cấp rõ ràng theo chức năng nhiệm vụ của cấp ngành theo quy định của UBND tỉnh và trên cơ sở chương trình công tác hàng năm được phê duyệt và chủ động đôn đốc tiến độ thực hiện.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

- Bố trí, sắp xếp cán bộ công chức, viên chức phù hợp với công việc theo chuyên ngành được tuyển dụng và đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 thực hiện đúng theo kế hoạch để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn chức trách nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng và thực hiện tốt các quy định về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ, các quy định về tuyển dụng, sử dụng đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách hành chính công:

- Ngày từ đầu năm đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của cơ quan; ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế quản lý tài sản công; Quy chế quản lý xe ô tô; tài sản công của cơ quan được sử dụng đúng mục đích, định mức, không lãng phí và không làm thất thoát tài sản công.

- Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được chi vào mức tăng thu nhập bình quân cho cán bộ công chức trong tháng.

- Sở Xây dựng có 02 đơn vị sự nghiệp (*Trung tâm Quy hoạch Xây dựng, Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng*). Ngày từ đầu năm 02 đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.

6. Hiện đại hóa hành chính:

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Sở tại Trung tâm hành chính công, bắt đầu từ ngày 20/6/2017 và đi vào hoạt động chính thức từ ngày 03/7/2017 đến nay. Cơ bản công tác tiếp nhận và trả kết quả đã được thực hiện tốt, đảm bảo về thời gian và tiến độ xử lý các TTHC.

- Sở đã ban hành kế hoạch 1748/KH-SXD ngày 20/8/2020 về ứng dụng CNTT năm 2021. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan và đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao năng lực điều hành và đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính. Luôn duy trì thực hiện tốt phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (100% văn bản đi và văn bản đến đều được xử lý trên phần mềm Office) và áp dụng việc gửi, nhận văn bản giữa các Lãnh đạo và các phòng bằng hộp thư công vụ của công chức. Trang thông tin điện tử của Sở duy trì hoạt động thường xuyên, cập nhật các thông tin hoạt động của ngành kịp thời, đầy đủ.

- Các thủ tục hành chính được cung cấp ở dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Đăng ký tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu điện công ích.

- Thường xuyên củng cố và hoàn thiện cổng thông tin điện tử, chuyên mục hỏi-đáp, cập nhật kịp thời các biểu mẫu, thủ tục mới tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức giao dịch công việc.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015: Sở thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống nhằm đáp ứng mục tiêu chính sách đề ra, bảo đảm nguyên tắc “công khai, minh bạch, công tâm, chu đáo, đúng pháp luật”; việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL của Sở Xây dựng được vận hành duy trì thường xuyên mang lại hiệu quả cao trong hoạt động hành chính tại Sở Xây dựng.

III. Đánh giá chung.

1. Ưu điểm:

- Trách nhiệm của người đứng đầu và tập thể Lãnh đạo Sở Xây dựng đã được phát huy tích cực và đạt hiệu quả cao trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Qua đó, công tác cải cách hành chính của Sở ngày càng đi vào nền nếp và thường xuyên.

- Nhận thức của đại bộ phận cán bộ công chức về tầm quan trọng của nhiệm vụ cải cách hành chính đã được nâng cao, tạo bước chuyển biến tốt trong quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, công dân. Đồng thời, việc liên hệ giải quyết hồ sơ giữa bộ phận tiếp nhận, trả kết quả với các Phòng, Chi cục thuộc Sở được phối hợp chặt chẽ, kịp thời, góp phần giải quyết nhanh, gọn các thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm thường, phạt rõ ràng trong việc thực thi nhiệm vụ với công tác thi đua khen thưởng đến từng cán bộ công chức, viên chức của Sở. Qua đó, đã góp phần giải quyết

nhanh, gọn, hiệu quả, chất lượng các thủ tục hành chính liên quan cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

- Công tác cải cách hành chính của Sở luôn được quan tâm, coi trọng và được tiến hành liên tục nên đã thu được những kết quả hết sức tích cực.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin sâu, rộng đã giúp tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các phòng ban liên quan.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Sở ngày càng được trẻ hóa, được đào tạo bài bản, có trình độ và năng lực cập nhật các kiến thức mới, sử dụng công nghệ thông tin thành thạo, cũng là điểm thuận lợi trong công tác cải cách hành chính.

- Mọi thắc mắc của tổ chức, cá nhân có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng đều được trả lời kịp thời và thỏa đáng, tạo lòng tin cho nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Việc rà soát, cập nhật, kiến nghị bổ sung các TTHC gắn với công tác quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực chưa thường xuyên, chưa kịp thời, một phần do cơ chế, chính sách của Nhà nước luôn có sự thay đổi, còn chùng chểo, bất cập, chưa thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- Năng lực của một số chủ đầu tư, đơn vị tư vấn chưa đáp ứng yêu cầu dẫn đến chất lượng các thủ tục hành chính còn nhiều bất cập, có TTHC phải chỉnh sửa nhiều dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết TTHC.

- Năng lực, trách nhiệm của một số cán bộ, công chức cơ quan sở còn hạn chế, chưa chủ động trong tham mưu đề xuất, chưa quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ. Sự chỉ đạo, điều hành, phối hợp trong giải quyết một số công việc thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ, kịp thời.

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính chưa sâu, chưa bám sát các đối tượng cần tuyên truyền, phương pháp tuyên truyền chưa hấp dẫn, chưa làm cho công dân thấy được lợi ích của việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; nguồn lực con người thực hiện công tác tuyên truyền cải cách hành chính phải kiêm nhiệm nên phát huy hiệu quả chưa như mong muốn.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2021.

- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, Bộ Xây dựng và tình hình thực tế của địa phương để kịp thời tham mưu, soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.

- Tập trung đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL: Tuân thủ đúng quy trình, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nghiên cứu soạn thảo văn bản dự thảo; thực hiện tốt và đầy đủ quy trình lấy ý kiến của các cơ quan, người dân và doanh nghiệp có liên quan trong việc tham gia xây dựng văn bản QPPL; chấp hành và tuân thủ đúng quy trình trình cơ quan chuyên môn thẩm định văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý các công việc: Văn bản đi đến của các đơn vị trong Sở; văn bản do các phòng, ban và công chức, viên chức soạn thảo trình Lãnh đạo Sở xử lý; truy cập các thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, của các bộ, ngành và của tỉnh có liên quan trong quá trình tiếp nhận và xử lý các thủ tục hành chính.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong việc giải quyết các thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh; các vấn đề về hỏi đáp của các cơ quan, tổ chức và người dân có liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Xây dựng. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu điện công ích.

- Tiếp tục rà soát các TTHC nhằm cắt giảm hơn nữa những điều kiện, yêu cầu không cần thiết, giảm thời gian thực hiện các TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ.

- Tiếp tục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào các thủ tục hành chính.

- Tổ chức các cuộc điều tra xã hội học của đơn vị nhằm khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với thủ tục hành chính và thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức với tổ chức, công dân trong thi hành công vụ.

V. Kiến nghị, đề xuất.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ tăng cường tổ chức hướng dẫn, tập huấn bằng các nội dung phù hợp cho cán bộ công chức các Sở, Ngành làm công tác kiểm soát, xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin Truyền thông thường xuyên cập nhật, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối đồng bộ, thông suốt phục vụ quá trình khai thác sử dụng được hiệu quả hơn nữa.

Trên đây là kết quả báo cáo cải cách hành chính quý III năm 2021 của Sở Xây dựng đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

- Lưu: VT, VP.

CV(ML)- 2021/1211

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC QUÝ III/2021

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC	Kế hoạch	01	
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	05	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Số phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	02	
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	02	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	10	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	08	02 nhiệm vụ đang trong hạn
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			(nếu có)
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	05	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	05	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	05	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	05	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	05	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC		50	
3.1.1	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	9	
3.1.2	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	19	thay thế 19, bãi bỏ 4 (cấp

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				tỉnh 3, cấp huyện 1)
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		50	
3.2.1	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	50/50 TTHC
3.2.2	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	90/90 TTHC
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1	Số phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	06	
4.1.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành</i>	Cơ quan, đơn vị	02	
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	0	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	34	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	04	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	3	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	8.8	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số phòng, ban, đơn vị/UBND cấp xã đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	6	
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	02	
5.1.3	Số phòng, ban, đơn vị/ đơn vị sự nghiệp trực thuộc/UBND cấp xã có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	nhiệm mới			
5.3.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.4	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL trực thuộc bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Dịch vụ công trực tuyến		50	
7.1.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	20	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.1.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	30	
7.1.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	40	
7.1.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	60	

Phụ lục II
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	479 hồ sơ

SỞ XÂY DỰNG HÀ NAM

THỐNG KÊ VỀ SỐ LƯỢNG PHÓ GIÁM ĐỐC, PHÓ PHÒNG VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ XÂY DỰNG

TT	Đơn vị Họ và tên	Tình hình sử dụng biên chế		Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Trình độ đào tạo					Ghi chú
		Biên chế được giao	Số CCVC hiện có	Nam	Nữ		Chuyên môn	QLNN	Lý luận chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC											
1	Phó giám Sở	2	2									
1	Đỗ Quang Nha			14/10/1962		Phó Giám đốc Sở	Kiến trúc sư- Đại học Xây dựng Hà Nội	CVC	Cao cấp	VP	Anh B	
2	Nguyễn Thị Phúc Thảo				08/5/1976	Phó Giám đốc Sở	Kiến trúc sư- Đại học Kiến trúc Hà Nội	CV	Cao cấp	VP	Anh B	
2	Văn Phòng Sở	2	2									
1	Đỗ Thanh Hương				08/04/1969	Phó Chánh Văn phòng	Cử nhân kinh tế- Đại học Thương mại	CV	Trung cấp	VP	Anh B	
2	Lê Thị Mai Loan				22/2/1978	Phó Chánh Văn phòng	Cử nhân Kế toán- Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên	CV	Trung cấp	VP	Anh B	
3	Thanh Tra Sở	1	1									
1	Nguyễn Xuân Lợi			26/05/1971		Phó Chánh thanh tra	Kỹ sư xây dựng- Đại học Kiến trúc Hà Nội	Thanh tra viên	Trung cấp	VP	Anh B	
4	Phòng Quy hoạch- Kiến	1	1									

	trúc											
1	Bùi Thị Tuyết Nhung				24/09/1985	Phó Trưởng phòng	Thạc sỹ, Kỹ sư Kinh tế xây dựng- Đại học Xây dựng Hà Nội	CV	Trung cấp	VP	Anh B	
5	Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật	1	1									
1	Lê Thị Hải Minh				20/10/1985	Phó Trưởng phòng	Thạc sỹ, Kỹ sư đô thị- Đại học Kiến trúc Hà Nội	CV	Trung cấp	VP	Anh B	
6	Phòng Quản lý Xây dựng	1	1									
1	Phạm Quang Duy				30/05/1985	Phó Trưởng phòng	Kỹ sư đô thị- Đại học Kiến trúc Hà Nội; Kỹ sư Xây dựng- Đại học Xây dựng Hà Nội	CV	Cao cấp	VP	Anh B	
7	Chi cục Giám định xây dựng	1	1									
1	Cát Huy Lực				21/9/1976	Phó trưởng phòng	Kỹ sư xây dựng dân dụng công nghiệp- Đại học Xây dựng Hà Nội	CV	Trung cấp	VP	Anh B	
	Tổng số											
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP											
A	Trung tâm Quy hoạch xây dựng Hà Nam	1	1									
1	Lại Văn Duyên				20/9/1980	Phó Giám độc	Kỹ sư Giao thông- Đại học giao thông		Trung cấp	VP	Anh B	

B	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục Giám định xây dựng	<i>I</i>	<i>I</i>									
1	Trần Quốc Hưng			24/11/1976		Phó Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng - Đại học Xây dựng Hà Nội		Trung cấp	VP	Anh B	